

Biểu mẫu
NHU CẦU HỖ TRỢ XI MĂNG ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN
GAJI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày /3/2026 của UBND xã Long Phụng)

Stt	Danh mục	Thôn	ĐV T	Chiều dài (m)	Chiều rộng BTXM (m)	Đầu tư mới hay nâng cấp	Năm thực hiện					Ghi chú
							2026	2027	2028	2029	2030	
I	Đoạn Đường/ tuyến đường trục thôn											
1	Ngõ Đẹp - Gò Cát	Thôn 1	m	530	3	Nâng cấp	530					
2	Ngõ Khùng - Ngõ Hà	Thôn 1	m	450	3	Nâng cấp		450				
3	Đoạn từ Ngõ Chinh - Ngõ Hiền	Thôn 2	m	500	3	nâng cấp	500					
4	Đoạn từ Ngõ Diệu- Ngõ Thiên	Thôn 2	m	400	3	nâng cấp		400				
5	Ngõ Hoà - Ngõ Nghĩa Xã	Phước Sơn	m	230	3	Nâng cấp	230					
6	Ngõ Thanh - Ngõ Võ Thôn	Phước Sơn	m	200	3	Nâng cấp	200					
7	Ngõ Hùng - Ngõ An Thôn	Phước Sơn	m	150	3	Nâng cấp		150				
8	Ngõ Phúc - bờ đê chợ Vom (HTX Cũ)	Phước Sơn	m	350	3	Nâng cấp		350				
9	Ngõ Quơn - núi Mồ Côi	Phước Sơn	m	350	3	Nâng cấp			350			
10	Cổng Trắng - Trại giống	Phước Sơn	m	200	3	Mới			200			
11	Ngã tư Nguyễn Thuần - Dung Quất sa Huỳnh	Tân Định	m	700	3	Nâng cấp			700			
12	Tỉnh lộ 624B - Ngõ Hoa	Phú An	m	200	3	Mới	200					
13	Tỉnh lộ 624B – Ngõ Nhường	Phú An	m	30	3	Nâng cấp	30					
14	Đường Ngõ Thông – Ngõ Bình	Phú An	m	250	2	Nâng cấp		250				
15	Tỉnh lộ 624B – Ngõ Khương	Phú An	m	750	3	Nâng cấp				750		
16	Nâng cấp đường thôn tuyến Hạ thế- Bờ sông	Thôn 3	m	400	3	Nâng cấp		400				
17	Nâng cấp đường thôn tuyến Ngõ Tuyền - Sông vệ	Thôn 3	m	350	3	Nâng cấp	350					
18	Nâng cấp đường thôn tuyến Ngõ Bộng - Ngõ Bền	Thôn 3	m	220	3	Nâng cấp		220				

19	Nâng cấp đường thôn tuyến Ngõ Pháp- Ngõ Lãnh	Thôn 3	m	160	3	Nâng cấp	160					
20	QL1 3 đèn- bờ sông	Thôn 3	m	350	3	Mới				350		
21	Ngõ Sấm - Tạ Hoà	Thôn 7	m	200	3	Nâng cấp		200				
22	Ngõ Tiếp - Ngõ Hoanh	Thôn 7	m	150	3	Nâng cấp		150				
23	Ngõ Khanh - Ngõ Lành	Thôn 7	m	300	3	Nâng cấp		300				
24	Ngõ Khuê - Nguyễn Hồng Sơn	Thôn 7	m	100	3	Nâng cấp		100				
25	Ngõ Lâm - Ngõ Thiều	Thôn 7	m	60	3	Làm mới		60				
26	Trương Ân - Lê Mỹ Thông	Dương Quang	m	600	3	mới			600			
27	Hồ Thị Dung - Trần Dũng (Chức)	Dương Quang	m	150	3	mới		150				
28	Nguyễn Búp - Tuyến đường ven biển DQ-SH	Dương Quang	m	350	3	mới		350				
29	Nguyễn Văn Thái - Tuyến đường ven biển DQ-SH	Dương Quang	m	200	3	mới				200		
30	Lê Văn Bậm - Lê Văn Lượng	Dương Quang	m	500	3	nâng cấp		500				
31	Lê Quang Ba - Rừng Dương (giai đoạn 3)	Dương Quang	m	150	3	mới			150			
	TỔNG			9.530			2.200	4.030	2.000	1.300	-	
II	Đoạn đường/tuyến đường ngõ, xóm											
1	Ngõ Trước - Ngõ Cận	1	m	65	2,5	Mới	65					
2	Đường thôn - Ngõ Tuấn	1	m	43	2,5	Mới	43					
3	Đường thôn - Ngõ Điều	1	m	115	2,5	Mới		115				
4	Đường Xã - Ngõ Tạo	1	m	45	2,5	Mới		45				
5	Ngõ Hiền đến Ngõ Chưa	2	m	50	2,5	Mới		50				
6	Ngõ Chinh đến Ngõ nhà thờ họ Lê	2	m	59	2,5	Mới		59				
7	Đoạn Sa Chiêu đến Ngõ Ty	2	m	55	2,5	Mới			55			
8	Ngõ Hoành đến ngõ Khâm	2	m	35	2	Mới			35			
9	Ngõ Lễ đến Ngõ Lánh	2	m	65	2	Mới			65			
10	Ngõ Học đến Ngõ Đức	2	m	80	2,5	Mới			80			

11	Ngõ Hiền đến đường thôn(Dinh bà - An Long)	2	m	90	2,5	Mới	90					
12	Ngõ Lương giáp QL1A	2	m	65	2,5	Mới				65		
13	Ngõ Nghĩa giáp đường Cầu sắt- Cống Đôi	2	m	50	2,5	Mới	50					
14	ngõ Chuyện đến Ngõ Tịnh	2	m	100	2,5	Mới				100		
15	Ngõ Hoàng đến Ngõ Xuyên	Nghĩa Lập	m	59	2	Mới	59					
16	Ngõ Phong đến Ngõ Diên	Nghĩa Lập	m	20	2,5	Mới	20					
17	Đường huyện vô Ngõ thiết	Nghĩa Lập	m	25	2,5	Mới	25					
18	Ngõ Hùng Giáp đường Thôn	Nghĩa Lập	m	35	2	Mới	35					
19	Đường Thôn vô Ngõ Huân	Nghĩa Lập	m	35	2	Mới	35					
20	Ngõ Nga đến Ngõ Ngợi	Nghĩa Lập	m	60	2,5	Mới	60					
21	Ngõ Phước - Ngõ Út	Phước Sơn	m	70	2	Mới	70					
22	Ngõ Hải - Ngõ Đền	Phước Sơn	m	34	2,5	Mới	34					
23	Ngõ Tâm - Ngõ Khâm	Phước Sơn	m	46	2,5	Nâng cấp	46					
25	Ngõ Lê Kính -Lê Noa	Tân Định	m	50	2,5	Mới	50					
26	Ngã tư Cao Thái Sơn- Nguyễn Thị Reo	Tân Định	m	170	2,5	Mới	170					
27	Liên thôn - Ngõ Quan	Phú An	m	50	2	Mới	50					
28	Ngõ Bé - Ngõ Ni	Thôn 7	m	55	2,5	Mới	55					
29	Ngõ Hà - Ngõ Hoa	Thôn 7	m	35	2	Mới	35					
30	Ngõ Thành - Ngoc Mẫu	Thôn 7	m	47	2,5	Mới	47					
31	Ngõ Lốp - Ngõ Hộ	Thôn 7	m	155	2,5	Mới	155					
32	Bê Tông - Bùi Trông	Thôn 7	m	80	2,5	Mới	80					
33	Ngõ Oanh - Ngõ Nhựt	Thôn 7	m	67	2,5	Mới		67				
34	Đường Bê Tông - Hùng Nữ	Thôn 7	m	97	2,5	Mới		97				
35	Ngõ Thuận - Trần Thảo	Thôn 7	m	150	2,5	Nâng cấp	150	150				
36	Tuyến Ngõ Cường	Gia Hòa	m	80	2,5	Mới	80					

37	Tuyến Nguyễn Trùng	Gia Hòa	m	40	2,5	Mới	40					
38	Tuyến Dương Tấn Năm - Ngõ Bình	An Mô	m	88	2,5	Mới	88					
39	Ngõ Tổng Tiến - Ngõ Sâm	An Mô	m	45	2,5	Mới	45					
40	Ngõ Hà - Ngõ Liễu	Thôn 5	m	50	2,5	Mới	50					
41	Ngõ Hoanh-Ngõ Hòa	Thôn 3	m	40	2,5	Mới	40					
42	QL 1a - Ngõ Hỷ	Thôn 3	m	70	2	Mới	70					
43	Ngõ Huỳnh - Lê Tuấn Vinh	Thanh Long	m	200	2,5	Nâng cấp	200					
44	Trần Minh - Lê Thiệp	Thanh Long	m	250	2,5	Nâng cấp	250					
45	Tuyến đường Thôn - Ngõ Thơm: 40m	Thôn 8	m	40	2,5	Mới		40				
46	tuyến ngõ Cho - ngõ Ngọc	Thôn 8	m	50	2,5			50				
47	Trần Đình Nhân - Tuyến đường ven biển DQ-SH	Dương Quang	m	150	2,5	mới	150					
48	Nguyễn Thị Dương - Giáp đường Trần Nhẫn, thôn 4, xã Mỏ Cày	Dương Quang	m	150	2,5	mới	150					
49	Võ Thị Trữ - Giáp đường thôn	Dương Quang	m	150	2,5	mới	150					
50	Trần Châu - Tuyến đường ven biển DQ-SH	Dương Quang	m	150	2,5	mới	150					
51	Trương Quang Chánh - Đường Dương Quang, Tân Định	Dương Quang	m	150	2,5	mới	150					
	TỔNG			3.960			3.037	673	235	165	-	
III	Đường trục chính nội đồng											
1	Tỉnh lộ 624b - Ngõ Hương - Thủy Lợi	Phước Sơn	m	200	2,5	Mới		200				
2	Cổng Thủy Lợi - Đường Sắt	Phước Sơn	m	200	2,5	Mới		200				
3	Bờ vùng số 1	Tân Định	m	500	2,5	mới		500				
4	Bờ vùng số 2	Tân Định	m	900	2,5	Mới			175	900		
5	Bờ vùng Đồng Quýt	Tân Định	m	175	2,5	Mới						
6	Đường GTNĐ tuyến Ngõ Mười - cái tọa 2	Thanh Long	m	700	2,5	Mới		700				
7	Bờ vùng số 1, từ đường 627B - Diện tích ruộng xã Mỏ Cày	Dương Quang	m	250	2,5	nâng cấp		250				
8	Bờ vùng số 2, Lê Văn Múc - Diện tích ruộng xã Mỏ Cày	Dương Quang	m	350	2,5	nâng cấp		350				
9	Bờ vùng số 3, Nhà thờ Họ Nguyễn - Kênh bê tông	Dương Quang	m	350	2,5	nâng cấp		350				

10	Bờ vùng số 4, Lê Văn Ninh - Kênh bê tông	Dương Quang	m	420	2,5	nâng cấp		420				
11	Bờ vùng số 5, Mã Đá - Kênh bê tông	Dương Quang	m	370	2,5	nâng cấp		370				
12	Bờ vùng số 6, Nghĩa Từ - Gò Mạ	Dương Quang	m	750	2,5	nâng cấp				750		
13	Bờ vùng số 7, Nhà thờ Lê Mỹ - Ngòi	Dương Quang	m	250	2,5	nâng cấp					250	
14	Bờ vùng Lê Thị Huê - Gò Mạ	Dương Quang	m	600	2,5	nâng cấp					600	
	TỔNG			6.015		-	-	1.140	2.200	925	1.750	